

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HS-ST
Ngày 25 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Lá.

Bà Phùng Thị Thanh Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1984, tại Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V và bà Nông P; có vợ là Lý N và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lương C. Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị hại: Bà Vi M, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nông N, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Lý N. Có mặt.

2. Chị Vi L. Vắng mặt.

3. Anh Nông L. Có mặt.

4. Anh Vi Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/6/2019, tổ hòa giải thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, mời gia đình ông Nguyễn Ngọc T (vợ là Lý N) và gia đình ông Nông N (vợ là Vi M), đến khu vực đồi C thuộc thôn N để giải quyết tranh chấp đất giữa hai gia đình. Khi đi ông K cầm theo 01 con dao quắm (loại dao có mũi dạng vòng cung), bà M cầm theo 01 con dao chặt củi (loại dao có mũi dạng vuông tù), mục đích dùng phát cỏ và đóng cọc để buộc ngựa. Khi tổ hòa giải cùng hai bên gia đình đến nơi, vợ chồng T và vợ chồng K to tiếng cãi chửi nhau. Ông K cầm con dao quắm trên tay giơ lên chỉ vào T nói “*mày thích đánh với tao à*”, T nói “*thích thì chơi*” rồi dùng chân trái đá 01 phát, trúng vào bụng của ông K, ông K cầm dao quắm đuổi chém T nhiều nhát nhưng T lúi tránh được. Sau đó, T giành được con dao từ tay của ông K và đuổi chém ông K nhưng không trúng.

Thấy T đuổi chém ông K, bà M cầm dao chặt củi chạy từ trên sườn đồi xuống giơ dao lên dọa chém T và nói “*mày thích chết không*” thì T quay lại, trong tư thế đứng ngang bằng bà M khoảng hơn 1m và nói “*bà thích chết, tôi cho bà chết*” rồi dùng hai tay cầm dao vừa lấy được của ông K đưa từ dưới lên trên, từ trái qua phải rồi vùng chém phần lưỡi dao vào vùng đầu phía sau của bà M theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái. Bà M liền cúi người nghiêng sang bên phải né tránh thì T dùng phần lưỡi dao ghì đè theo hướng từ trên xuống dưới vào vùng phía sau đầu của bà M khoảng 3-5 giây, sau đó nhấc dao ra. Lúc này, bà M tiếp tục cãi chửi T nên T lại giơ dao về phía bà M, bà M cúi tránh thì T lại dùng phần lưỡi dao ghì, đè từ trên xuống vào vùng phía sau đầu của bà M. Khi T rút dao lại thì bà N chạy đến can ngăn, giằng được dao của T và bảo T đi về. Lúc này, bà M dùng tay sờ lên vùng đầu phía sau bên trái rồi kêu “*tao bị chảy máu rồi đấy*” và ném con dao chặt củi đang cầm trên tay trúng vào mông của T nhưng không gây T tích. Sau đó, bà M được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Trung tâm y tế huyện Chi Lăng từ ngày 09/6/2019 đến ngày 13/6/2019 thì ra viện. Ngày 20/7/2019 bà Vi M có đơn yêu cầu khởi tố hành vi của T và yêu cầu T phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe với tổng số tiền là 100.098.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về T tích số 217/2019/PYTT ngày 11/7/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Tỷ lệ tổn T cơ thể thời điểm hiện tại của bà Vi M: Sẹo lớn vùng chằm, tỷ lệ 07%. Vật và cơ chế gây T tích: Do vật sắc tác động trực tiếp từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.

Với nội dung vụ án như trên, tại Cáo trạng số 75/CT-VKSCL ngày 05/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố bị cáo Nguyễn

Ngọc T về tội Cố ý gây T tích, theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố.

Ý kiến trình bày của bà Vi M: Vì nguyên nhân tranh chấp đất đai, bị cáo Nguyễn Ngọc T dùng dao chém vào đầu gây T tích cho bà 07%. Diễn biến vụ việc bị cáo chém bà M đúng như biên bản thực nghiệm điều tra ngày 03/10/2019. Bà M yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Về bồi thường thiệt hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản với tổng số tiền là 100.098.000 đồng như đơn bà đã nộp trong hồ sơ vụ án. Đối với con dao của bà M bị thu giữ, bà M không yêu cầu được trả lại.

Ý kiến trình bày của ông Nông N: Đồng ý với trình bày của bà M. Đối với con dao của ông K bị Cơ quan điều tra thu giữ, ông K không yêu cầu được trả lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội Cố ý gây T tích. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 590 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại với số tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (sau khi đã khấu trừ phần lỗi của bị hại là 30%). Về vật chứng, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm dài 65 cm và 01 con dao bằng kim loại có cán bằng gỗ, chiều dài cả cán là 44 cm.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa: Đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội có một phần lỗi của bị hại, khi xảy ra đánh nhau tương quan lực lượng của bị cáo yếu thế hơn (bị hại có hai vợ chồng trên tay cầm dao), tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo khó khăn nhưng đã đi vay mượn để nộp 10.000.000 đồng vào Cơ quan thi hành án dân sự để bồi thường khắc phục phần nào thiệt hại cho người bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế khó khăn, bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự. Về án phí và vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với ý kiến tranh luận của người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị

cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng bị thu giữ, biên bản thực nghiệm điều tra, Kết luận giám định pháp y về T tích và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/6/2019 tại khu vực đồi C thuộc thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do mâu thuẫn tranh chấp đất đai, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi dùng dao quắm (loại dao có mũi dạng vòng cung) là hung khí nguy hiểm gây T tích 07% cho bị hại bà Vi M. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội Cố ý gây T tích, theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư nơi xảy ra vụ án, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, lần phạm tội này là lần đầu. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại phiên tòa bị cáo nộp biên lai thu tiền 10.000.000 đồng nộp vào Cơ quan thi hành án dân sự để bồi thường thiệt hại cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sự việc xảy ra đánh nhau cũng có một phần lỗi của bị hại, cụ thể bị hại có những lời nói, cử chỉ thách thức (cầm dao dọa chém) bị cáo, do đó bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng bị cáo không có.

[5] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời bào chữa cho bị cáo của Trợ giúp viên pháp lý về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân và về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc một mức án phù hợp đối với bị cáo để đảm bảo tính chất răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản với tổng số tiền 100.098.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau khoản bồi thường tiền cứu chữa theo 02 hóa đơn dịch vụ ngày 10/6/2019 với số tiền 575.000 đồng; tiền thuê xe ô tô đưa bị hại đi cấp cứu (02 chuyến) với số tiền 2.400.000 đồng và tiền thuê taxi đưa bị hại đi giám định T tích (02 chuyến) với số tiền 1.100.000 đồng. Đối với các khoản khác hai bên không thỏa thuận được đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy, về chi phí cho việc cứu chữa các bên đã thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử chấp nhận (tiền hóa đơn dịch vụ 575.000 đồng + tiền thuê xe ô tô đưa bị hại đi cấp cứu 2.400.000 đồng + tiền thuê taxi đưa bị hại đi giám định T tích 1.100.000 đồng). Về thu nhập thực tế bị mất, căn cứ Công văn 198/CV-UBND ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân xã Hữu Kiên xác định mức thu nhập bình quân là 200.000 đồng/ngày/người, bà M nằm viện điều trị 05 ngày nên cần buộc bị cáo phải bồi thường thu nhập bị mất của bị hại và của người chăm sóc mỗi người 05 ngày (02 người 10 ngày) x 200.000 đồng = 2.000.000 đồng; sau khi ra viện bị hại cần thiết phải có một thời gian để phục hồi sức khỏe với thời gian 05 ngày nên cần buộc bị cáo phải bồi thường với mức 200.000/ngày = 1.000.000 đồng. Về chi phí cho việc bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe do bị T tích của bị hại, xét thấy bị hại bị chém vào đầu bị mất máu nên cần phải chi phí một khoản để bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe trong vòng 10 ngày với mức 200.000 đồng/ngày = 2.000.000 đồng. Về tiền tổn thất tinh thần, xét thấy T tích của bị hại là 07% nên cần buộc bị cáo phải bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần bằng 05 tháng lương cơ sở tương đương với số tiền 7.450.000 đồng là phù hợp.

[8] Như vậy, tổng số tiền thiệt hại của bị hại là 16.525.000 đồng. Tuy nhiên, việc gây T tích bị hại cũng có một phần lỗi. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giảm một phần bồi thường cho bị cáo tương đương với mức độ lỗi của bị hại là 20%. Bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 13.220.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đối với 01 con dao quắm dài 65 cm; 01 con dao bằng kim loại có cán bằng gỗ, chiều dài cả cán là 44 cm, là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với hành vi của bà Vi M dùng dao ném trúng mông của Nguyễn Ngọc T; hành vi của Nguyễn Ngọc T dùng chân đá 01 phát trúng vào bụng của ông Nông N, không có ai đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[11] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Điều 357; Điều 584; 585; Điều 590 của Bộ luật Dân sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự. Điểm a, g khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội Cố ý gây T tích.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/11/2019). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hữu Kiên, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm, mũi cong, lưỡi dao màu đen, rộng 04 cm, dài 40 cm, có cán bằng gỗ màu vàng nhạt, dài 65 cm, trên cán dao có dính chất dịch màu đỏ; 01 con dao bằng kim loại có cán bằng gỗ, chiều dài cả cán là 44 cm, bản rộng 5,5 cm, mũi dao dạng vuông tù, dao cũ đã qua sử dụng nhiều gỉ và bụi đất.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08 tháng 11 năm 2019).

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường cho bị hại bà Vi M, số tiền 13.220.000 đồng (mười ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng). Xác nhận bị cáo Nguyễn Ngọc T đã nộp 10.000.000 (mười triệu đồng) vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, theo biên lai thu tiền số: AA/2015/0003961 ngày 22 tháng 11 năm 2019 và biên lai thu tiền số: AA/2015/0003907 ngày 25 tháng 11 năm 2019. Bị cáo Nguyễn Ngọc T còn phải bồi thường tiếp cho bà Vi M, số tiền 3.220.000 đồng (ba triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo

thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Chi Lăng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Chi Lăng;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hải Đoàn